

Bản án số 147/2024/DS-PT

Ngày 21/5/2024

Về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Lê Tự, ông Lê Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Xuân Lộc

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên
tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 21/TBTL-TA
ngày 26/01/2024 “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DSST ngày 31/8/2023
của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 919/2024/QĐ-PT ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà
Nẵng, giữa:

Nguyên đơn: ông Phan T, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 9, khối S 2, phường
C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư L Vinh
H - Công ty Luật TNHH một thành viên X thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng;
địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Bi đơn: cụ Nguyễn Thị C, sinh năm 1937; địa chỉ: Tổ 7, khối S 2, phường
C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị H; địa chỉ: Tổ 5, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh
Quảng Nam, vắng mặt

2. Bà Phan Thị C; địa chỉ: Tổ 7, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh
Quảng Nam, vắng mặt.

3. Bà Phan Thị H; địa chỉ: Tổ 5, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh
Quảng Nam, vắng mặt.

4. Bà Phan Thị D; địa chỉ: Tổ 5, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh
Quảng Nam, vắng mặt.

5. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1941; địa chỉ: Tổ 9, khối S 2, phường C, thành
phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

6. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.
7. Bà Phan Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 10, khối S 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.
8. Bà Phan Thị C, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 9, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.
9. Ông Phan L, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 3, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
10. Ông Phan L, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 2, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
11. Bà Phan Thị P, sinh năm 1979; địa chỉ: Austria, vắng mặt.
12. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Người đại diện theo uỷ quyền:* ông Nguyễn Văn T N (Phó Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường thành phố H) vắng mặt.
13. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 7, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
14. Bà Phan Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 7, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
15. Bà L Châu H, sinh năm 1979; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
16. Bà Võ Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
17. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
18. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
19. Ông Đinh Duy H, sinh năm 1964; địa chỉ: Khối phố 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
20. Bà Võ Thị Diệu L, sinh năm 1973; địa chỉ: Khối phố 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
21. Bà Lương Thị Thúy L, sinh năm 1994; địa chỉ: Khối phố 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
22. Ông Phan Lê Hoàn H, sinh năm 1980; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.
23. Ông Phùng Văn T; sinh năm 1984; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
24. Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1985; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
25. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
26. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai H, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
27. Ông Nguyễn Văn T, vắng mặt.
28. Bà Nguyễn Thị H A, vắng mặt.
29. Bà Hồ Thị Kim Y, vắng mặt.

30. Ông Phạm H H, vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Tổ 7, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.
31. Ông Vũ Đức C, sinh năm 1984; địa chỉ: phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt
32. Bà Đỗ Thị Dạ T, sinh năm 1987; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.
33. Ông Thái Tuấn H, vắng mặt
34. Bà Trần Huỳnh Diệu M, vắng mặt
Cùng địa chỉ: TP H, tỉnh Quảng Nam.
35. Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh H; địa chỉ: T phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng.
36. Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Quảng Nam, Phòng Giao dịch H; địa chỉ: Quảng Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
37. Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
38. Bà Phạm Thị N, vắng mặt;
39. Bà bà Đặng Thị C, vắng mặt;
40. Ông Phạm H H, vắng mặt;
41. Ông Lê Văn C, vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Tổ 7, khối S 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại Đơn khởi kiện ngày 21/01/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phan T trình bày:* Ông bà nội của ông Phan T là cố Phan Đ và cố Trần Thị C (đều chết năm 1978) không nuôi con nuôi, không ai có con riêng mà có 4 con chung là cụ Phan Đ (chết), cụ Phan D (chết), cụ Phan D (chết năm 2010) và cụ Phan X (chết năm 2006). Cố Phan Đ và cố Trần Thị C tạo lập được khối di sản là ngôi nhà ngói và đất tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 05 thuộc tổ 7, khối S II, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam diện tích khoảng 4.000m². Khi còn nhỏ, bác ông Phan T là cụ Phan D và cha ông Phan T là cụ Phan X cùng sống chung với cha mẹ; cụ Phan D có vợ là cụ Nguyễn Thị C và 7 người con là Phan H (đã chết), Phan Thị K (đã chết), Phan Thị H, Phan Thị C, Phan Thị H, Phan Thị D, Phan Thị D, cha ông Phan T có vợ là cụ Đinh Thị T và có 9 con gồm Phan T, Phan L, Phan L, Phan Thị Đ, Phan Thị C, Phan Thị P, Phan Thị L (đã chết), Phan T (đã chết), do có mâu thuẫn khi sống chung nên cha mẹ ông Phan T ra ở riêng. Năm 1978, cố Phan Đ và cố Trần Thị C chết, gia đình cụ Phan D quản lý sử dụng nhà đất của hai cố đến nay, quá trình quản lý, sử dụng nhà đất gia đình cụ Phan D nhiều lần tự ý chuyển nhượng đất của hai cố, cụ Phan X nhiều lần phản đối, nhưng không được giải quyết.

Ngày 17/4/2008 ông Phan T khiếu nại ra UBND phường C yêu cầu đình chỉ mọi giao dịch chuyển quyền sử dụng đất của gia đình cụ Phan D đối với nhà đất của ông bà nội. Ngày 09/6/2008, vợ chồng cụ Phan D kiện ông Phan T tại Tòa án nhân dân thành phố H vì cho rằng ông Phan T cản trở quyền sử dụng đất của gia đình cụ Phan D. Bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam

năm 2008 công nhận sự thoả thuận giữa vợ chồng cụ Phan D với ông Phan T là thống nhất dành 300m² đất tại thửa số 242, tờ bản đồ số 5, tổ 7, khối S 2, phường C, thành phố H để làm nhà thờ. Do Bản án sơ thẩm chưa xác định rõ vị trí 300m² đất dành làm nhà thờ ở đâu và giao cho ai chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng nên không thể thi hành bản án và ông Phan T đã gửi đơn khiếu nại đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhưng không được giải quyết triệt để.

Theo ông Phan T thỏa thuận giữa vợ chồng cụ Phan D và ông Phan T chỉ giới hạn với trong việc sử dụng 300m² đất làm nhà thờ (và bản án cũng chưa được thi hành) mà chưa được thống nhất phân chia di sản của ông bà nội nên nay ông Phan T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khôi phục tình trạng pháp lý đối với các thửa đất gồm:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà L Châu H và bà Võ Thị L có số phát hành GCN số CQ362356 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp 04/07/2019 đối với thửa đất số 888, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H;

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N có số phát hành GCN số BO 206008 do UBND thành phố H cấp ngày 26/04/2013 đối với thửa đất số 889, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị C có số phát hành GCN số AM 607054 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/05/2008 đối với thửa đất số 890, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H hiện đã được đăng ký biến động ngày 30/07/2009 cho ông Đinh Duy H và bà Võ Thị Diệu L.

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị C có số phát hành GCN số AM 607053 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/05/2008 đối với thửa đất số 891, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H hiện đã được đăng ký biến động ngày 29/10/2012 cho bà Lương Thị Thúy L.

5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị C có số phát hành GCN số BO206058 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 04/07/2013 đối với thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 52 tại khối Sơn Phố II, phường C, thành phố H hiện đã được đăng ký biến động ngày 08/07/2013 cho ông Phan Lê Hoàn H

6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phùng Văn T và Nguyễn Thị Thanh V có số phát hành GCN mới số CE 321991 do UBND thành phố H cấp 22/12/2016 đối với thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 52 tại khối Sơn Phố II, phường C, thành phố H.

7. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phan Thị C có số phát hành GCN số CH495379 do UBND thành phố H cấp ngày 30/11/2017 đối với thửa đất số 774, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H.

8. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phan Thị D và ông Nguyễn Xuân Q có số phát hành GCN số AN930048 cấp ngày 17/12/2008 đối với thửa đất số 775, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H.

9. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phan Thị C có số phát hành GCN số E0241541 đối với thửa đất số 773 (242B), tờ bản đồ số 52 (5) tại khối S II, phường Cẩm Châu, thành phố H.

10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị C có số phát hành GCN số AD385196 đối với thửa đất số 743 (242), tờ bản đồ số 52(5) tại khối S II, phường C, TP H.

11. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị C có số phát hành GCN số E0241765 đối với thửa đất số 747 (242D), tờ bản đồ số 52 (5) tại khối S II, phường C, TP H.

12. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành GCN số E0241764 đứng tên Vũ Đức C, Vũ Thị Dạ T đối với thửa đất số 748 (242C), tờ bản đồ số 52 (5) tại khối S II, phường C, thành phố H.

13. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành GCN số K903817 đứng tên ông Phạm H H đối với thửa đất số 749 (242A), tờ bản đồ số 52 (5) tại khối S II, phường C, thành phố H.

14. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành GCN số BQ398874 (Y755965) đứng tên ông Thái Tuấn H và bà Trần Thị Diệu M đối với thửa đất số 1145 (242E), tờ bản đồ số 52(2) tại khối S II, phường C, thành phố H.

Và chia di sản thừa kế của cố Phan Đ và cố Trần Thị C là các thửa đất số 888, 889, 890, 891, 1127, 1128, 774, 775, 773, 743, 747, 748, 749, 242/1 thuộc tờ bản đồ số 2, tờ 7, khối S 2, phường C, thành phố H theo quy định của pháp luật, kỷ phần ông Phan T được hưởng 1/16 di sản, theo ông T tạm tính khoảng 200.000.000 đồng, ông T xin được nhận hiện vật là đất liền kề 300m² đất dành làm nhà thờ mà cụ Phan D và ông T đã thảo thuận trước đây, để ông T lo thờ cúng vì ông T là con trai trưởng trong dòng tộc.

** Bị đơn cụ Nguyễn Thị C:* mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến làm việc và không gửi ý kiến trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị P* thống nhất với trình bày và yêu cầu chia thừa kế của ông Phan T và đề nghị phân di sản nếu được hưởng cho ông Phan T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Phan Thị L, Phan L, Phan Thị Đ, Phan Thị C, Phan L, Đinh Thị T* thống nhất với trình bày và yêu cầu chia thừa kế của ông Phan T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C (là chất ngoại của vợ chồng cố Phan Đ, cố Trần Thị C, cháu ngoại vợ chồng cụ Phan D)* thống nhất với trình bày và yêu cầu chia thừa kế của ông Phan T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thái Tuấn H và chị Huỳnh Trần Diệu M trình bày:* A Chị được biết thửa đất anh chị đang quản lý, sử dụng nguồn gốc tách ra từ thửa 41, tờ bản đồ số 04 xã C (nay là phường C) diện tích 3.211m², loại đất T do cụ Phan D đứng tên kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/CT của Thủ tướng Chính phủ và theo hồ sơ đăng ký Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ là thửa đất số 242, tờ bản đồ số 05 xã C diện tích 3.200m², loại đất T cũng do cụ Phan D đứng tên kê khai đăng ký. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất thì chủ sử dụng đất tách thửa, chuyển nhượng một phần cho A Chi nên A Chi đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp của A Chi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố H trình bày:* Bản án dân sự phúc thẩm số 97/2008/DS-PT ngày 26/11/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về Tranh chấp cản trở quyền sử dụng đất đã công nhận thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng cụ Phan D cụ Nguyễn Thị C với ông Phan T dành lại 300m² đất thuộc thửa 242, tờ bản đồ số 5 làm nhà thờ, buộc ông Phan T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng thửa đất 242, tờ bản đồ số 5 ngoài diện tích đất nhà thờ của vợ chồng cụ Phan D. UBND thành phố H khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên đúng quy định của pháp luật và không có cơ sở giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C Việt Nam (VietinBank) - Chi nhánh H trình bày:* ông Vũ Đức C, bà Đỗ Thị Dạ T thế chấp thửa đất 748 tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 7722/2021/HĐBĐ/NHCT484 ngày 26/4/2021 để bảo đảm khoản vay theo hợp đồng cho vay số 7722/2021-HĐCV/NHCT484 ngày 27/4/2021; ông Nguyễn Xuân Q, bà Phan Thị D thế chấp thửa đất số 775 tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 18043035/2018/HĐBĐ/NHCT484 ngày 15/03/2018; VietinBank là bên thứ ba ngay tình nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy và chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất của ông Vũ Đức C, bà Đỗ Thị Dạ T và ông Nguyễn Xuân Q, bà Phan Thị D.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Quảng Nam, Phòng Giao dịch H trình bày:* ông Phùng Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh V được cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP A từ ngày 08/02/2017 theo Hợp đồng vay trung dài hạn số K0059/1317 được ký kết ngày 08/02/2017 giữa Ngân hàng TMCP A Chi nhánh Quảng Nam - Phòng giao dịch H. Tài sản thế chấp của ông Phùng Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh V là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 52, địa chỉ khối S II, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có đầy đủ giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 2772991, số vào sổ cấp GCN: CS03772 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 22/12/2016, đã được công chứng theo quy định, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H ngày 08/02/2017. Do đó, Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Quảng Nam - Phòng giao dịch H không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy và chia thừa kế đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 52 của ông Phùng Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh V khi chưa hoàn tất nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DSST ngày 31/8/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 228; khoản 2 Điều 112, điểm e khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100 Luật đất đai 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan T về việc: Chia di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C (Kèm theo danh sách của 14 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn yêu cầu hủy) gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà L Châu H và bà Võ Thị L có số phát hành GCN số CQ362356 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp 04/07/2019 đối với thửa đất số 888, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N có số phát hành GCN số BO 206008 do UBND thành phố H cấp ngày 26/04/2013 đối với thửa đất số 889, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị C có số phát hành AM 607054 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/05/2008 đối với thửa đất số 890, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H hiện đã được đăng ký biến động ngày 30/07/2009 cho ông Đinh Duy H và bà Võ Thị Diệu L.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị C có số phát hành GCN số AM 607053 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/05/2008 đối với thửa đất số 891, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H hiện đã được đăng ký biến động ngày 29/10/2012 cho bà Lương Thị Thúy L.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị C có số phát hành GCN số BO206058 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 04/07/2013 đối với thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 52 tại khối Sơn Phổ II, phường C, thành phố H hiện đã được đăng ký biến động ngày 08/07/2013 cho ông Phan Lê Hoàn H

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phùng Văn T và Nguyễn Thị Thanh V có số phát hành GCN mới số CE 321991 do UBND thành phố H cấp 22/12/2016 đối với thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 52 tại khối Sơn Phổ II, phường C, thành phố H

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phan Thị C có số phát hành GCN số CH495379 do UBND thành phố H cấp ngày 30/11/2017 đối với thửa đất số 774, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phan Thị D và ông Nguyễn Xuân Q có số phát hành GCN số AN930048 cấp ngày 17/12/2008 đối với thửa đất số 775, tờ bản đồ số 52 tại khối S II, phường C, thành phố H

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phan Thị C có số phát hành GCN số E0241541 đối với thửa đất số 773 (242B), tờ bản đồ số 52 (5) tại khối S II, phường Cẩm Châu, thành phố H

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị C có số phát hành GCN số AD385196 đối với thửa đất số 743 (242), tờ bản đồ số 52(5) tại khối S II, phường C, thành phố H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị C có số phát hành E0241765 đối với thửa đất số 747 (242D), tờ bản đồ số 52 (5) tại khối S II, phường C, thành phố H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành GCN số E0241764 đứng tên Vũ Đức C, Vũ Thị Dạ T đối với thửa đất số 748 (242C), tờ bản đồ số 52 (5) tại khối Sơn Phố II, phường C, thành phố H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành GCN số K903817 đứng tên ông Phạm H H đối với thửa đất số 749 (242A), tờ bản đồ số 52 (5) tại khối S II, phường C, thành phố H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành GCN số BQ398874 (Y755965) đứng tên ông Thái Tuấn H và bà Trần Thị Diệu M đối với thửa đất số 1145 (242E), tờ bản đồ số 52(2) tại khối S II, phường C, thành phố H.

2. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2010/QĐ-ADBPKCTT ngày 17/01/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000285, ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Hoàn trả cho ông Phan T số tiền chênh lệch là 4.700.000 đồng (Bốn triệu, bảy trăm ngàn đồng)

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn phải chịu và đã nộp đủ.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 08/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận được kháng cáo của nguyên đơn ông Phan T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan T chia thừa kế di sản của cố Phan Đ, cố Trần Thị C theo pháp luật.

Ngày 11/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận được đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Trầy và bà Phan Thị Đ là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan T chia thừa kế di sản của cố Phan Đ, cố Trần Thị C theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Phan T giữ nguyên kháng cáo,

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phan T, bà Đinh Thị T, Phan Thị Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện

kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn ông Phan T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T và bà Phan Thị Đ kháng cáo. Phiên tòa phúc thẩm hôm nay mở lần thứ hai đã triệu tập hợp lệ các đương sự, nhưng chỉ ông Phan T và bà Phan Thị Đ có mặt, còn Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm để xét kháng cáo của ông Phan T (giống nội dung kháng cáo của bà Đinh Thị T và bà Phan Thị Đ).

[2] Ông Phan T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của vợ chồng cố Phan Đ và cố Trần Thị C (đều chết năm 1978) là ông bà nội của ông Phan T để lại đối với quyền sử dụng nhà gắn liền với đất của ông bà nội để lại, hiện nay theo ông T là quyền sử dụng 14 thửa đất, cùng tờ bản đồ số 52, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Tại Công văn số 3608/UBND ngày 13/12/2021 (bút lục 494) UBND thành phố H trả lời toàn bộ các thửa đất ông Phan T yêu cầu chia thừa kế khởi nguồn là thửa số 41, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.211m² (loại đất T) do cụ Phan D kê khai đăng ký theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg. Theo hồ sơ Nghị định 64/CP thì toàn bộ các thửa đất khởi nguồn là thửa 242, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.200m² (loại đất T) do cụ Phan D kê khai đăng ký. Ngày 20/01/1995, hộ cụ Phan D được UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 242, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.200m² (loại đất T). Theo hồ sơ đo mới VN 2000 tại phường C thì: - Các thửa đất số 743, 773, 774, 775, 888, 889, 890, 891, 1127, 1128, 1145 khởi nguồn từ thửa 743, tờ bản đồ số 52, diện tích 2.621m² (loại đất ở + vườn) do cụ Phan D kê khai đăng ký; - Thửa đất số 747, tờ bản đồ số 52, diện tích 196m² (loại đất ở đô thị) do Phan Thị Á kê khai đăng ký; - Thửa đất số 748, tờ bản đồ số 52, diện tích 210m² (loại đất ở) do bà Đặng Thị C kê khai đăng ký; - Thửa đất số 749, tờ bản đồ số 52, diện tích 196m² (loại đất ở) do ông Phạm H H kê khai đăng ký.

Hiện nay, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất 743, 747, 748, 749, 773, 776, thuộc tờ bản đồ số 52, tờ 7, khối phố S 2, phường C, thành phố H có sự biến động như sau:

+ Thửa số 743 (242), tờ số 52 (5) có Giấy chứng nhận E0110183 do UBND thị xã H cấp ngày 20/01/1995 cho hộ cụ Phan D đứng tên thuộc diện cấp tập trung theo hồ sơ đăng ký Nghị định 64/CP nên hồ sơ cấp giấy đối với trường hợp này không được lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H. Giấy chứng nhận E0110183 cấp đổi thành giấy chứng nhận AD170320 do UBND thị xã H cấp ngày 30/8/2005. Giấy chứng nhận AD170320 cấp đổi thành giấy chứng nhận AD385196 do UBND thị xã H cấp ngày 08/11/2005.

+ Thửa đất 747 (242D), tờ số 52 (5): Giấy chứng nhận E0241765 do UBND thị xã Hội An cấp ngày 26/9/2001 cho hộ bà Phạm Thị N thuộc hồ sơ cấp đổi tập trung nên không có hồ sơ lưu tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H.

+ Thửa đất 748 (242C), tờ số 52 (5): Giấy chứng nhận E0241764 do UBND thị xã H cấp ngày 26/9/2001 cho hộ bà Đặng Thị C thuộc hồ sơ cấp đổi tập trung nên không có hồ sơ lưu tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H.

+ Thửa đất số 749 (242A), tờ số 52 (5): Giấy chứng nhận K903817 do UBND thị xã H cấp ngày 29/11/1999 cho hộ ông Phạm H H thuộc hồ sơ cấp đổi tập trung nên không có hồ sơ lưu tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H.

+ Thửa đất số 773 (242B), tờ số 52 (5): Giấy chứng nhận E0241451 do UBND thị xã H cấp ngày 23/02/2000 cho hộ bà Phan Thị C thuộc hồ sơ cấp đổi tập trung nên không có hồ sơ lưu tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H.

+ Thửa đất 776, tờ số 52 (5): Giấy chứng nhận AD482324 do UBND thị xã H cấp ngày 27/12/2005 cho hộ bà Phan Thị C được tách ra từ thửa đất số 242B, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận E0241541.

[3] Xét, từ năm 1957 cụ Phan X (cha ông Phan T) đã lập gia đình đi ở nơi khác, còn vợ chồng bác ông Phan T là cụ Phan D và cụ Nguyễn Thị C ở lại với ông bà nội ông Phan T. Năm 1978 cô Phan Đ và cô Trần Thị C chết, từ đó vợ chồng cụ Phan D, Nguyễn Thị C trực tiếp quản lý, sử dụng đất của hai cô; sau này đăng ký kê khai sử dụng đất theo Hồ sơ Chỉ thị 299/TTg và Nghị định 64/CP được UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 385196 ngày 08/11/2005. Khi cụ Phan D kê khai và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Phan X (cha ông Phan T) còn sống không phản đối, tiếp đó cụ Phan D tách thửa chuyển nhượng đất cho nhiều người cụ Phan X cũng không phản đối, chứng tỏ cụ Phan X mặc nhiên từ bỏ quyền lợi của mình và thừa nhận việc đăng ký kê khai quyền sử dụng đất của vợ chồng cụ Phan D, cụ Nguyễn Thị C. Mặt khác, sau khi ra ở riêng thì cụ Phan X cũng đã được Nhà nước giao đất theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Phan T xuất trình 1 tấm ảnh cho rằng đây là ngôi nhà của ông bà nội để lại, nhưng căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/5/2020 không có ngôi nhà như ông Phan T trình bày mà hiện tồn tại ngôi nhà diện tích 57,26m² tại thửa đất số 743, tờ bản đồ số 52 do vợ chồng cụ Phan D, cụ Nguyễn Thị C đứng tên.

[4] Từ các tài liệu, chứng cứ trích dẫn và phân tích tại các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan T là có cơ sở, đúng pháp luật. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Ông Phan T kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bà Đinh Thị T và bà Phan Thị Đ kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DSST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Ông Phan T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000569 ngày 05/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- L: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân